

Số: 2604/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 02 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Gia cố bờ sông Đồng Nai đoạn từ đình Phước Lư đến Khu dân cư dọc sông Rạch Cát tại phường Quyết Thắng và phường Thống Nhất, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 49/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về bảng giá đất tỉnh Đồng Nai 5 năm, giai đoạn 2020 - 2024;



Trên cơ sở Văn bản số 4371/STC-HĐTĐGD ngày 02 tháng 07 năm 2021 của Hội đồng thẩm định giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Gia cố bờ sông Đồng Nai đoạn từ đình Phước Lư đến Khu dân cư dọc sông Rạch Cát tại phường Quyết Thắng và phường Thống Nhất, thành phố Biên Hoà;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 767/TTr-STNMT ngày 16 tháng 7 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Gia cố bờ sông Đồng Nai đoạn từ đình Phước Lư đến Khu dân cư dọc sông Rạch Cát tại phường Quyết Thắng và phường Thống Nhất, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, với các nội dung sau:

1. Mục đích định giá đất và các thông tin về khu đất định giá

a) Mục đích định giá đất: Xác định giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Gia cố bờ sông Đồng Nai đoạn từ đình Phước Lư đến Khu dân cư dọc sông Rạch Cát tại phường Quyết Thắng, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hoà.

b) Các thông tin về khu đất định giá:

- Địa điểm: Tại phường Quyết Thắng, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hoà.

- Diện tích đất định giá: Với diện tích 16.701,3 m².

- Mục đích sử dụng: Đất ở, đất nông nghiệp và đất cơ sở tôn giáo.

- Vị trí, ranh giới khu đất: Được xác định theo tờ Trích lục và đo chỉnh lý bản đồ địa chính khu đất số 3890/2013 và 3891/2013 tỷ lệ 1:500 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh thực hiện ngày 23/7/2013;

2. Phê duyệt kết quả định giá đất

Giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Gia cố bờ sông Đồng Nai đoạn từ đình Phước Lư đến Khu dân cư dọc sông Rạch Cát tại phường Quyết Thắng, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hoà, cụ thể như sau:

DVT: Đồng/m².

STT	Đường giao thông	Vị trí	Giá đất định giá
A	Đất ở đô thị		

1	Đường Nguyễn Thành Phương	VT1	41.470.000
		VT1 (Từ mốc lộ giới đến hết mét thứ 50)	41.470.000
		VT1 (Từ sau mét thứ 50 đến hết mét thứ 100)	33.176.000
		VT2 (hẻm nhựa, bê tông)	20.450.000
		VT2 (hẻm đất)	16.283.000
		VT3 (hẻm nhựa, bê tông)	15.842.000
		VT3 (hẻm đất)	12.285.000
		VT4 (hẻm nhựa, bê tông)	12.575.000
		VT4 (hẻm đất)	10.689.000
		VT4 (không giáp hẻm)	10.689.000
2	Đường Hà Huy Giáp đoạn từ cầu Rạch Cát đến đường Võ Thị Sáu	VT1	46.728.000
		VT1 (Từ mốc lộ giới đến hết mét thứ 50)	46.728.000
		VT1 (Từ sau mét thứ 50 đến hết mét thứ 100)	37.382.400
		VT3 (hẻm nhựa, bê tông)	16.157.000
		VT3 (hẻm đất)	12.529.000
B	Đất cơ sở tôn giáo		
1	Đất cơ sở tôn giáo đường Nguyễn Thành Phương	VT2 (hẻm nhựa, bê tông)	10.907.000
		VT2 (hẻm đất)	8.407.000
		VT3 (hẻm nhựa, bê tông)	8.341.000
		VT3 (hẻm đất)	6.207.000
C	Đất nông nghiệp (đất trồng cây lâu năm, trồng cây hàng năm, đất bằng chưa sử dụng)		
1	Đất nông nghiệp đường Nguyễn Thành Phương (phường Thống Nhất)	VT1	3.586.000
		VT1 (Từ mốc lộ giới đến hết mét thứ 50)	3.586.000
		VT1 (Từ sau mét thứ 50 đến hết mét thứ 100)	2.868.800
		VT2	2.746.000
		VT3	2.416.000
		VT4	2.164.000
2	Đất nông nghiệp đường Hà Huy Giáp đoạn từ cầu Rạch Cát đến đường Võ Thị Sáu (phường Quyết Thắng)	VT1	5.416.000
		VT1 (Từ mốc lộ giới đến hết mét thứ 50)	5.416.000
		VT1 (Từ sau mét thứ 50 đến hết mét thứ 100)	4.332.800
		VT3	2.548.000



3. Về việc xác định vị trí thửa đất để tính tiền bồi thường được thực hiện theo Quyết định số 49/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về bảng giá đất tỉnh Đồng Nai 5 năm, giai đoạn 2020-2024.

Điều 2. Căn cứ các nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa chỉ đạo Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Biên Hòa tính toán lập phương án bồi thường về đất theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa, Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Biên Hòa, Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Biên Hòa, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Quyết Thắng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Thống Nhất, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS, PVB.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Tấn Đức